

Lĩnh vực đánh giá	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí đánh giá
Tinh đầy đủ	Tính trọng yếu	1.01 Báo cáo cung cấp thông tin có ích cho việc ra quyết định của đối tượng sử dụng báo cáo về các rủi ro và cơ hội kinh tế, môi trường, xã hội có tác động với doanh nghiệp cũng như tác động của doanh nghiệp đối với kinh tế, môi trường và xã hội bên ngoài.
		1.02 Phạm vi của báo cáo được nêu và giải thích rõ ràng.
		1.03 Quá trình và lý do cho việc chọn lựa những tác động và vấn đề chính được xác định và các chỉ số được sử dụng trong báo cáo được giải thích.
	Sự tham gia của các bên liên quan	1.04 Đối tượng sử dụng báo cáo được xác định.
		1.05 Các bên liên quan là tổ chức được xác định, trong đó nêu rõ mức độ quan trọng tương ứng.
		1.06 Mô tả quá trình xác định và tham vấn các bên liên quan trong nội bộ và bên ngoài, có công bố chính sách xác định và tham vấn các bên liên quan.
	Chiến lược	1.07 Mức độ chi tiết và tính rõ ràng và cân bằng về chiến lược, chính sách kinh tế, môi trường và xã hội bao gồm nhưng không hạn chế ở: - trách nhiệm khai thác, tức là chuỗi cung ứng; - việc phân tích và sử dụng / giải quyết vốn môi trường và vốn xã hội trong việc xây dựng chính sách/ chiến lược kinh tế, xã hội và môi trường - các cam kết của HĐQT và Ban Giám đốc
		1.08 Trình bày các chỉ tiêu (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và mục tiêu.
		1.09 Mô tả quá trình (các phương pháp tiếp cận để đo lường, báo cáo và hạch toán).
		1.10 Kỳ báo cáo và lý do của báo cáo được giải thích rõ ràng.
		1.11 Chứng minh chính sách kinh tế, môi trường, xã hội tích hợp và nhất quán trong chiến lược kinh doanh nòng cốt.
		1.12. Có chiến lược, mục tiêu cụ thể (dài hạn và ngắn hạn), sáng kiến, giải pháp, dự án cải tiến và đổi mới tại doanh nghiệp nhằm giảm thiểu khí nhà kính.
	Bối cảnh	1.13 Bối cảnh của doanh nghiệp (ví dụ, các sản phẩm và/hoặc dịch vụ, hiệu quả hoạt động tài chính, vị trí địa lý, thông tin tuyển dụng, lực lượng lao động).
		1.14. Đặt hoạt động của tổ chức trong bối cảnh của những hệ thống quản lý xã hội và môi trường rộng lớn hơn mà tổ chức hoạt động trong đó.
	Các chỉ số hoạt động	1.15 Việc trình bày các phương diện môi trường chủ chốt có liên quan theo hướng dẫn của Công ty Tài chính Quốc tế (IFC), các hướng dẫn của UBCK và/hoặc các thông lệ tốt nhất về lập báo cáo PTBV như TCFD, SASB, các tiêu chí ngành, các hướng dẫn của UBCK và/hoặc các thông lệ tốt nhất về lập báo cáo PTBV. Các chỉ số được lựa chọn để báo cáo được tính toán và trình bày nhất quán để có thể cho phép so sánh theo các tiêu chí: (i) giữa các kỳ báo cáo; (ii) giữa các đơn vị cùng ngành hoặc theo các thông lệ chung; (iii) với chỉ tiêu đề ra. Có giải thích hoặc hướng khắc phục nếu không đạt chỉ tiêu hoặc thay đổi chỉ số.
		1.16 Việc trình bày các phương diện xã hội chủ chốt có liên quan theo hướng dẫn của Công ty Tài chính Quốc tế (IFC), các hướng dẫn của UBCK và/hoặc các thông lệ tốt nhất về lập báo cáo PTBV như TCFD, SASB, các tiêu chí ngành, các hướng dẫn của UBCK và/hoặc các thông lệ tốt nhất về lập báo cáo PTBV. Các chỉ số được lựa chọn để báo cáo được tính toán và trình bày nhất quán để có thể cho phép so sánh theo các tiêu chí: (i) giữa các kỳ báo cáo; (ii) giữa các đơn vị cùng ngành hoặc theo các thông lệ chung; (iii) với chỉ tiêu đề ra. Có giải thích hoặc hướng khắc phục nếu không đạt chỉ tiêu hoặc thay đổi chỉ số.
		1.17 Mức độ đáp ứng về công bố thông tin theo quy định.
		1.18 Báo cáo có đầy đủ bộ tham chiếu chỉ số đến hướng dẫn của GRI 2021.
		1.19 Sử dụng các chỉ số để đo lường phát thải khí nhà kính bao gồm nhưng không giới hạn ở tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp theo tấn CO2 tương đương và tỷ lệ phần trăm tăng/giảm so với kỳ gốc - ưu tiên sử dụng các phương pháp xác định trong các tiêu chuẩn quốc tế.
		1.20. Có thu thập, theo dõi và phân tích các chỉ số về bình đẳng giới như tỷ lệ nam nữ trong lực lượng lao động, số lượng tuyển dụng, đào tạo, lựa chọn thăng tiến theo giới tính.

Tinh tin cậy	Quy trình quản lý	2.01 Các hệ thống quản lý và việc tích hợp các hệ thống quản lý vào qui trình hoạt động.
		2.02 Áp dụng hướng dẫn và/hoặc các chuẩn mực như hướng dẫn của IFC, Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu GRI, SASB, ISO/EMAS... bao gồm việc đưa ra lý do áp dụng.
		2.03. Nguồn phát thải KNK trực tiếp hoặc gián tiếp, chuỗi giá trị/cung ứng liên quan được xác định và có kế hoạch hành động, áp dụng các biện pháp tối ưu nhằm giảm dần phát thải KNK trực tiếp và gián tiếp trong phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp như (i) xem xét về số lượng và chủng loại nhiên liệu hóa thạch sử dụng và áp dụng các chương trình nâng cao hiệu quả và hiệu lực (ưu tiên phương pháp tiếp cận chu kỳ sống nhằm giảm phát thải KNK thuần bên cạnh việc sử dụng công nghệ phát thải thấp và năng lượng tái tạo), (ii) có hành động ngăn ngừa hoặc giảm phát thải KNK (đặc biệt những phát thải gây cạn kiệt tầng ozôn) do việc sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất, các quá trình công nghệ hoặc thiết bị bao gồm thiết bị sưởi, thông gió, điều hòa không khí, (iii) thực hiện tiết kiệm năng lượng bao gồm mua sản phẩm tiết kiệm năng lượng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ hiệu quả năng lượng; (iv) xem xét trung hòa carbon thông qua các biện pháp bù phát thải KNK còn lại như thu giữ và bảo quản hoặc cô lập carbon.
	Sự tham gia của các bên liên quan	2.04 Xác định và trình bày ý kiến phản hồi và mức độ quan tâm của các bên liên quan đối với các tác động, hoạt động của tổ chức, và qui trình lựa chọn các quan điểm này (quan điểm quan trọng nhất) để công bố.
		2.05 Sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan (chủ động hoặc bị động) để tác động đến chiến lược, chính sách, hoạt động và thay đổi nội dung báo cáo (để chứng minh tổ chức có thể lắng nghe và rút kinh nghiệm từ ý kiến của các bên có liên quan), hoặc trình bày ngược lại, kèm theo lý do, trong trường hợp không sử dụng ý kiến phản hồi của bên liên quan.
		2.06. Đáp ứng các tiêu chuẩn về tin dụng xanh được quốc tế hoặc chính phủ công nhận.
	Quản trị	2.07 Mô tả về hoạt động và cấu trúc hệ thống và quy trình quản trị, bao gồm tên của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đảm trách các vấn đề phát triển bền vững, các bộ phận liên quan đến quản trị phát triển bền vững như Ban quản lý rủi ro, KTNB..., và mô tả về vai trò của HĐQT trong phê duyệt chiến lược, chính sách xã hội, môi trường, quản trị cũng như rà soát kết quả thực hiện và đảm bảo cơ chế truyền thông hiệu quả giữa doanh nghiệp với các bên liên quan).
		2.08 Mô tả mối liên hệ giữa cơ chế khen thưởng của nhân viên và cán bộ quản lý với hiệu quả phát triển bền vững và việc hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.
		2.09 Mô tả cách thức mà doanh nghiệp quản trị các vấn đề liên quan đến Chương trình giảm thiểu KNK để đảm bảo các thông tin được báo cáo là đáng tin cậy và doanh nghiệp luôn chủ động giám sát/quản lý các vấn đề liên quan đến KNK cũng như thể hiện được Chương trình giảm thiểu KNK là nỗ lực của toàn thể doanh nghiệp.
	Hiệu quả hoạt động	2.10 Phát hiện và tính đến các yếu tố bên ngoài về xã hội/môi trường/phát triển bền vững.
2.11 Hồ sơ về các vấn đề tuân thủ/không tuân thủ pháp luật.		
Đảm bảo	2.12 Quy trình kiểm toán nội bộ.	
	2.13 Ý kiến của công ty kiểm toán độc lập.	
	2.14 Ý kiến của một đơn vị/cá nhân/nhóm độc lập khác.	
	2.15 Tính so sánh.	
	2.16. Có đảm bảo độc lập nội bộ hoặc bên ngoài đối với các chỉ số quản lý phát thải khí nhà kính.	
Trình bày	Hình thức	3.01 Đề cương và hình thức phù hợp và bổ trợ cho nội dung.
		3.02 Tính dễ hiểu (sử dụng ngôn ngữ phổ thông, mức độ chuyên ngành phù hợp), dễ hiểu và độ dài phù hợp (súc tích).
		3.03 Cách trình bày và tiếp cận mang tính sáng tạo.
		3.04 Tính phù hợp của các đồ thị, nội dung minh họa và ảnh.
	Sự tham gia của các bên liên quan	3.05 Khả năng truy cập (ví dụ, định dạng điện tử trên website để truy cập, các ngôn ngữ hiển thị sẵn có, phù hợp với độc giả, phiên bản in (tóm tắt) được cung cấp).
		3.06 Cơ chế thông tin và phản hồi để người sử dụng báo cáo đưa ra/gửi ý kiến đến người lập báo cáo.
	Cấu trúc	3.07 Có báo cáo tóm tắt và/hoặc phần tóm tắt và/hoặc phần trọng tâm được làm nổi bật trong các phần cụ thể của báo cáo.
		3.08 Định hướng toàn diện xuyên suốt báo cáo và dẫn chiếu, liên kết với các báo cáo khác để tạo ra bức tranh tổng thể về các thông lệ phát triển bền vững của doanh nghiệp.
		3.09 Tham chiếu đến website và sử dụng internet để cung cấp thêm thông tin liên quan cho báo cáo.
		3.10 Tuân theo cấu trúc chuẩn như GRI, hướng dẫn của IFC.